TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG CHÀ** **TỈNH ĐIỆNBIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST
Ngày 28/4/2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản Cng khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG CHÀ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Hưng

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Khoàng Văn Hặc

2. Ông Nguyễn Khắc Thiện

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện MC, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MC tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Khá** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện MC tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2020/HNGĐ-ST ngày 04/11/2020 về ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14/4/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Sùng Thị D; Sinh năm: 1975;

2. Bị đơn: Giàng A C (Tên thường gọi: Giàng Vang C) (Tên gọi khác: Giàng Văn C, Giàng Vẳng C); Sinh năm: 1974.

Cùng địa chỉ: Bản SS, xã HN, huyện MC, tỉnh Điện Biên.

3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Thị D- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên.

4. Người phiên dịch tiếng Mông: Ông Hồ A L Sinh năm: 1992 – Địa chỉ: Tổ dân phố số 5, thị trấn MC, huyện MC, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08/10/2020, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn chị Sùng Thị D trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Sùng Thị D và ông Giàng A C tự nguyện tiến tới hôn nhân, không bị ai ép buộc, tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn; Trong những năm gần đây thường xảy ra mâu thuẫn, xuất phát từ quan điểm sống trái ngược nhau. Qua nhiều lần đã được hai bên gia đình và UBND

xã hòa giải nhưng đến nay chúng tôi cảm thấy hai vợ chồng không thể hòa hợp, cuộc sống Cng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Giàng A C.

- Về con: Có 03 con chung là các cháu: Giàng Thị X - Sinh ngày 18/02/1996, Giàng Thị Hồng Th - Sinh ngày 30/12/2005, Giàng A T - Sinh ngày 10/7/2006 chị D có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Th và cháu T cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên (18 tuổi), yêu cầu anh C phải cấp dưỡng cho hai cháu 500.000 đồng/người/tháng; cháu Giàng Thị Xênh đã đủ tuổi thành niên, đã lấy chồng và ra ở riêng nên chị D không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Chúng tôi trong thời kỳ chung sống với nhau có những tài sản sau:

01 Nhà sàn và bếp trị giá khoảng 150.000.000 đồng; 01 xe ôtô cũ mua năm 2016 trị giá khoảng 250.000.000 đồng; 02 xe máy Honda đăng ký tên Giàng A C tổng trị giá khoảng 25.000.000 đồng; 02 con trâu cái màu lông đen gần 02 tuổi tổng trị giá khoảng 30.000.000 đồng; 01 máy khâu đã cũ trị giá khoảng 2.500.000 đồng; 01 tủ lạnh trị giá khoảng 1.500.000 đồng; 03 tủ treo quần áo tổng trị giá khoảng 3.000.000 đồng; 01 bộ bàn ghế uống nước trị giá khoảng 2.000.000 đồng; 02 giường ngủ tổng trị giá khoảng 2.000.000 đồng; 01 mảnh đất nông nghiệp có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 14.360 m^2; 03 đám nương ngô tổng diện tích khoảng 16.000 m^2; 02 vườn trồng cỏ voi tổng diện tích khoảng 3.500 m^2; 06 con gà mái, 20 con gà con, tổng trị giá 2.800.000 đồng; 02 bình xứ, 02 bình nước, 02 nồi to, 9 chăn bông, 50 cây cánh kiến trồng trên đất của vợ chồng D, C.

Chị D có nguyện vọng được chia 01 nhà sàn có bếp; 01 xe máy trị giá 10.000.000 đông; 01 con trâu cái; 01 máy khâu; 02 tủ treo quần áo; 01 giường ngủ; 7.180m^2 đất nông nghiệp đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; 02 đám nương ngô; 25 cây cánh kiến cùng đất; 03 con gà mái, 10 con gà con; 04 chăn bông; 01 bình xứ; 01 bình nước; 01 nồi to; 01 vườn cỏ voi.

- Về nợ: Không có nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện chị Sùng Thị D rút yêu cầu về tranh chấp nuôi con và chia tài sản khi ly hôn.

Sau khi thụ lý Tòa án đã hai lần triệu tập và thông báo về phiên Hòa giải và công khai tài liệu chứng cứ nhưng anh Giàng A C đều vắng mặt không có lý do nên không tiến hành hòa giải được.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 12/3/2021 anh Giàng A C trình bày:

Anh C đã nhận được thông báo và giấy triệu tập của Tòa án nhân dân huyện MC về việc tham gia dự phiên họp công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải nhưng bận công việc nên không xuống tòa để tham dự. Về việc giải quyết vụ án anh C có ý kiến:

- Về hôn nhân: Anh C không muốn ly hôn nhưng nếu chị D vẫn kiên quyết ly hôn thì anh nhất trí.

- Về con Cng: Chúng tôi có 03 con Cng, cháu đầu đã lớn đi lấy chồng nên không yêu cầu tòa án giải quyết, còn hai cháu còn nhỏ anh C có nguyện vọng nuôi cả hai cháu và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản Cng: Mặc dù chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng tôi vẫn đồng ý chia cho chị D 02 đám nương (01 đám ở đầu bản đang trồng lúa, 01 đám riêng ở bản Sán Súi) 01 xe máy, những tài sản dưới 1 triệu bà D cần gì thì lấy về sử dụng. Về tài sản chúng tôi sẽ tự thỏa thuận không đề nghị tòa án giải quyết.

- Về nợ: Chị D không yêu cầu tòa án giải quyết nên anh cũng không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại đơn đề nghị nguyện vọng của cháu Giàng Thị Hồng Thư, cháu Giàng A Tư, hai cháu đều có nguyện vọng được sống cùng mẹ, đề nghị Tòa án chấp nhận nguyện vọng được ở cùng mẹ.

Tại phiên tòa: Chị Sùng Thị D và anh Giàng A C thống nhất và đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của anh, chị về việc nuôi con Cng là giao cháu Giàng Thị Hồng Th- Sinh ngày 30/12/2005 cho chị Sùng Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, giao cháu Giàng A T - Sinh ngày 10/7/2006 cho anh Giàng A C trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận vợ chồng đối với chị Sùng Thị D và anh Giàng A C. Chấp nhận việc thỏa thuận tại phiên tòa về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con và đình chỉ yêu cầu về tài sản của nguyên đơn. Miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với chị D.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo đúng qui định của pháp luật. Riêng bị đơn là anh Giàng A C chấp hành chưa nghiêm quy định của pháp luật tố tụng dân sự, tuy nhiên vi phạm này không nghiêm trọng. Đồng thời đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 2 Điều 71; Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; các Điều 58; 81; 82; 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016-TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Sùng Thị D và anh Giàng A C. Ghi nhận sự thỏa thuận tại phiên tòa về việc giao cháu Giàng Thị Hồng Th cho chị Sùng Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục; giao cháu Giàng A T cho anh Giàng A C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản Cng. Về án phí chị Sùng Thị D là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ. Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 cần miễn toàn bộ án phí cho chị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng**:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của đương sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện MC theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về xác định tư cách của các đương sự: Căn cứ vào Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định chị Sùng Thị D là nguyên đơn, anh Giàng A C là bị đơn.

*** Về nội dung vụ án**:

[3] *Xét quan hệ hôn nhân:* Hội đồng xét xử xét thấy việc chị Sùng Thị D và anh Giàng A C về sống Cng với nhau như vợ chồng từ năm 1991, chỉ cưới hỏi theo phong tục tập quán và không đăng ký kết hôn (xác nhận của UBND xã HN, huyện MC) là có thật. Đến thời điểm chị D có đơn khởi kiện xin ly hôn, mặc dù hai bên có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nhưng hai bên vẫn không đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Do vậy, việc hai bên Cng sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình. Nay chị Sùng Thị D có đơn xin ly hôn, nên căn cứ vào Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án thụ lý yêu cầu ly hôn và tuyên xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị D và anh C

[4] ***Về con Cng:*** chị D và anh C có 03 con Cng là các cháu: Giàng Thị Xênh - Sinh ngày 18/02/1996, Giàng Thị Hồng Thư - Sinh ngày 30/12/2005, Giàng A Tư - Sinh ngày 10/7/2006; cháu Giàng Thị Xênh đã đủ tuổi thành niên, đã lấy chồng và ra ở riêng nên chị D không đề nghị Tòa án giải quyết; Đối với các cháu Giàng Thị Hồng Thư, Giàng A Tư chị D rút yêu cầu không đề nghị tòa án giải quyết, anh Giàng A C có nguyện vọng được nuôi hai cháu và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con, các cháu Thư, Tư đều có nguyện vọng được ở cùng với mẹ. Tại phiên tòa chị D và anh C tự thỏa thuận và đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận việc thỏa thuận là giao cháu Giàng Thị Hồng Thư cho chị Sùng Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục; giao cháu Giàng A Tư cho anh Giàng A C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng hiện nay các cháu Giàng Thị Hồng Thư (sinh năm 2005), Giàng A Tư (sinh năm 2006) đều đã sắp đến tuổi trưởng thành, hai anh chị có điều kiện nuôi dưỡng và chăm sóc con như nhau, sự thỏa thuận trên là tự nguyện, không vi phạm đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật do vậy cần ghi nhận sự thỏa thuận của anh chị về vấn đề nuôi con Cng.

Quyền nuôi con, cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình khi có yêu cầu.

[5] ***Về tài sản Cng***:

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn chị Sùng Thị D đã có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản Cng. Bị đơn anh Giàng A C có đề nghị không yêu cầu Tòa án giải quyết nợ Cng, tài sản Cng vợ chồng. HĐXX xét thấy nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, bị đơn không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản Cng, nợ Cng là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, theo quy định tại khoản 2 Điều 71, Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự, cần được chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về chia tài sản Cng, theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Xét ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nhận xét và có quan điểm: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự chấp hành

đúng quy định của pháp luật; Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MC, tỉnh Điện Biên tại phiên tòa phù hợp với quan điểm giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử sơ thẩm.

[7] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa phù hợp với quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy quan điểm của người bảo vệ quyền lợi của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật cần chấp nhận.

[8] *Về án phí:* chị Sùng Thị D là dân tộc thiểu số, sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 cần miễn toàn bộ án phí đối với chị Sùng Thị D

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 2 Điều 71; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; các Điều 15; khoản 2 Điều 53; các Điều 58; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016-TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Sùng Thị D và anh Giàng A C.

2. Về con chung: Giao cháu Giàng Thị Hồng Th - Sinh ngày 30/12/2005 cho chị Sùng Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành; Giao cháu Giàng A T - Sinh ngày 10/7/2006 cho anh Giàng A C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Chị Sùng Thị D, anh Giàng A C được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi sau ly hôn khi có yêu cầu.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tài sản chung.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 1, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 miễn án phí DSST đối với chi Sùng Thị D.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Áp dụng Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự: Chị Sùng Thị D, anh Giàng A C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/4/2021).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Người bảo vệ QL của nguyên đơn
- VKS huyện MC;
- Chi cục THADS huyện MC;
- TA tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tiến Hưng